

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST

Ngày 07 – 8 – 2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh
Bà Nguyễn Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2018, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2017/TLST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST - KDTM ngày 07/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST - KDTM ngày 26/6/2018; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/2018/TB-TA ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV A

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đào Ngọc T – Chức vụ: Chủ tịch kiêm tổng giám đốc Tổng công ty. Địa chỉ: Đường P, quận H, Tp. Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Văn T1 – chức vụ: Phó giám đốc Công ty B (Giấy ủy quyền số 36/UQ-CT ngày 26/5/2017). Địa chỉ: Đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH thương mại C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T3

Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện K1, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Phan Văn T1 trình bày:

Ngày 01/01/2016 Công ty B có ký hợp đồng đại lý năm 2016 số 08-ĐL/XDQĐ/2016 với Công ty TNHH thương mại C. Nội dung hợp đồng nguyên tắc là: Công ty B sẽ thực hiện cung cấp nhiên liệu cho Công ty TNHH thương mại C ủy quyền cho Công ty TNHH thương mại C làm đại lý cho Công ty trong năm 2016 với sản lượng dự kiến từ 50m³ đến 100m³/tháng. Phương thức thanh toán chuyển khoản, hàng tháng hai bên sẽ tiến hành đối chiếu và ký biên bản xác định công nợ. Tính đến ngày 18/03/2016, Công ty TNHH thương mại C nợ Công ty B số tiền là 724.168.700 đồng.

Hiện nay, Công ty B đã dừng cung cấp nhiên liệu cho Công ty TNHH thương mại C và đã nhiều lần liên hệ với đại diện Công ty TNHH thương mại C để yêu cầu thanh toán nợ nhưng phía đại diện Công ty TNHH thương mại C không hợp tác.

Ngày 19/12/2017 Công ty B và Công ty TNHH thương mại C đã xác nhận công nợ như sau: Tính đến hết ngày 19/12/2017 Công ty TNHH thương mại C nợ tiền mua xăng dầu của Công ty B số tiền là: 724.168.700 đồng.

Vì vậy Công ty TNHH MTV A đề nghị Tòa án giải quyết, buộc Công ty TNHH thương mại C phải thanh toán tổng số tiền nợ là 724.168.700 đồng và lãi suất phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ các đương sự nhưng đại diện Công ty TNHH thương mại C đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH thương mại C để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh như sau:

- *Xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk:* Công ty TNHH thương mại C có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp là 6001083137, đăng ký lần đầu vào ngày 25/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 21/01/2016, hiện đang có trụ sở chính tại số Đường N, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại C là ông Nguyễn Văn T2 – Sinh năm 1962, chức danh: Giám đốc công ty; thành viên vốn góp là ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn T3.

Ngày 03/4/2018, Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH thương mại C. Đến thời điểm hiện nay, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk chưa nhận được yêu cầu, hồ sơ giải thể của công ty TNHH thương mại C.

- *Xác minh tại Chi cục thuế thành phố B:* Công ty TNHH thương mại C có mã số thuế 6001083137, tính đến thời điểm bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 03/4/2018 Công ty TNHH thương mại C còn nợ thuế đang theo dõi trên hệ thống quản lý thuế (TMS) đến ngày 31/3/2018 tổng số tiền là 1.251.959.476 đồng. Đến nay, Công ty TNHH thương mại C vẫn chưa đóng nợ thuế. Sau khi bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày

03/4/2018 qua kiểm tra thì phát hiện Công ty TNHH thương mại C vẫn tiến hành các hoạt động kinh doanh. Chi cục thuế thành phố B đã có kiến nghị đến cơ quan có chức năng xử lý theo quy định. Hiện nay Công ty TNHH thương mại C vẫn thực hiện việc kê khai thuế nhưng không phát sinh doanh thu.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như phía nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn C phải trả cho Công ty TNHH MTV A số tiền nợ là 724.168.700 đồng và lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn Công ty TNHH thương mại C, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T2 và thành viên góp vốn là ông Nguyễn Văn T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 những người này vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

Công ty TNHH MTV A được thành lập theo quyết định 3656/QĐ-BQP ngày 30/9/2011 của Bộ Quốc Phòng. Công ty B là đơn vị hoạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Ngày 01/01/2016 Công ty B và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại C có ký kết với nhau hợp đồng đại lý số 08-ĐL/XDQĐ/2016 về việc Công ty TNHH thương mại C sẽ nhận làm đại lý bán lẻ các mặt hàng xăng dầu với hình thức bao tiêu hưởng thù lao đại lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy về hình thức hợp đồng, chủ thể giao kết hợp đồng không vi phạm quy định của pháp luật, về nội dung giao kết giữa các bên thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội, phù hợp với ngành nghề mà các bên đã được cấp phép kinh doanh. Nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng đại lý số 08-ĐL/XDQĐ/2016 ngày 01/01/2016 giữa Công ty B và Công ty TNHH thương mại C là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp các mặt hàng xăng, dầu cho Công ty TNHH thương mại C. Công ty TNHH thương mại C có trách nhiệm bán hàng và thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty B. Tuy nhiên, từ khi thực hiện hợp đồng cho đến ngày 18/3/2016 Công ty TNHH thương mại C còn nợ Công ty B số tiền là 724.168.700 đồng. Ngày 01/11/2016 Công ty B đã có công văn số 893/CV-CT về việc thanh toán công nợ gửi cho Công ty TNHH thương mại C. Ngày 19/12/2017 Đại diện Công ty TNHH thương mại C là ông Nguyễn Văn T2 – chức vụ: Giám đốc và Công ty B đã lập biên bản xác nhận công nợ tháng 12/2017 với nội dung: Tính đến hết ngày 19/12/2017 Công ty TNHH thương mại C còn nợ tiền mua xăng dầu của Công ty B số tiền là: 724.168.700 đồng. Như vậy, Công ty TNHH thương mại C đã vi phạm nghĩa vụ của bên đại lý theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 175 Luật thương mại.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc Công ty TNHH thương mại C phải có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền nợ gốc là 724.168.700 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất phát sinh của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A, Hội đồng xét xử xét thấy, trong hợp đồng đại lý số 08-ĐL/XDQĐ/2016 ngày 01/01/2016 giữa Công ty B và Công ty TNHH thương mại C không thỏa thuận lãi suất phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, buộc Công ty TNHH thương mại C phải chịu lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày hai bên xác nhận công nợ từ ngày 19/12/2017 đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm với mức lãi suất 0,75%/tháng. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán thì yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp, cần chấp nhận. Buộc Công ty TNHH thương mại C phải trả tiền lãi trên số dư nợ gốc do chậm thanh toán tính từ ngày 19/12/2017 đến ngày 07/8/2018 là: $(724.168.700 \text{ đồng} \times 0,75\% / \text{tháng}) \times 07 \text{ tháng} = 41.458.658 \text{ đồng}$.

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 để tính tiền lãi do chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 50, 55, 166, 168, 169, 175, 176, 306 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại C phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV A số tiền nợ gốc là 724.168.700 đồng và lãi

suất tính từ ngày 19/12/2017 đến ngày 07/8/2018 là 41.458.658 đồng. Tổng cộng là: 765.627.358 đồng (Bảy trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi tám đồng).

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 để tính tiền lãi do chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

*** Về án phí:** Do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Công ty TNHH MTV A không phải chịu án phí và được nhận lại 16.483.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Vương Quốc V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000910 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Công ty TNHH thương mại C phải chịu 34.625.094 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang